

# DiaQuant<sup>®</sup> Peroxide

en

## Mô tả

DiaQuant<sup>®</sup> Peroxide là que thử để xác định bán định lượng hydrogen peroxide (H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>) và peroxide trong dung dịch. Việc kiểm tra này đặc biệt thích hợp cho việc xác định dự lượng peroxide trong thiết bị lọc máu.

## Thang đo

1 – 100mg/L H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>

## Phân cấp màu

0 – 1 – 3 – 10 – 30 – 100 mg/L H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>

## Đóng gói

100 que thử

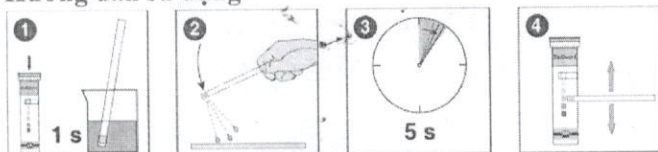
## Nguyên tắc phản ứng

Phản ứng Hydrogen peroxide với peroxidase (POD) và chất chỉ thị oxy hóa khử hữu cơ trong vùng test để chuyển sang chất oxy hóa màu xanh dương.

## Thông tin chung

Đóng kín hộp chứa lại sau khi lấy que thử. Tốt nhất nên đánh giá màu sắc bằng ánh sáng ban ngày. Đèn nhân tạo có thể gây khó khăn và đọc màu không chính xác.

## Hướng dẫn sử dụng



1. Đặt que thử vào dung dịch cần kiểm tra trong 1 giây.
2. Lắc que thử để loại bỏ chất dư thừa trên que.
3. Đợi 5 giây
4. So sánh màu sắc với thang đo. Lấy giá trị phù hợp nhất với trường thử màu (độ chính xác: ±1/2 trường màu của thang đo)

Màu phản ứng có thể thay đổi sau khi đã lấy giá trị. Vì vậy việc quan trọng là đánh giá màu sắc trong khoảng thời gian quy định để đạt được kết quả chính xác nhất.

## Hiệu chuẩn

Để kiểm tra hoạt động chính xác của que thử, sử dụng dung dịch hydrogen peroxide nồng độ 3 mg/L. Để hiệu chuẩn, đầu tiên chuẩn bị dung dịch gốc 500 mg/L H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> pha với 1, 5 mL hydrogen peroxide 30%, đổ thêm 1000 mL nước cất. Sau đó, pha loãng 3 mL dung dịch gốc trong 500 mL nước cất (=3 mg/L H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>). Ngay lập tức thực hiện đo que thử. Nếu dung dịch hiệu chuẩn cho kết quả âm, ngay cả khi thử lại, thì lập tức loại bỏ các que thử chưa sử dụng còn lại. Ngay cả khi hiệu chuẩn cho kết quả âm (đặt que thử vào nước cất) có thể không ra màu xanh dương. Nguyên nhân gây ra kết quả sai có thể do hết hạn sử dụng, hộp chứa que thử có thể đã mở ra quá lâu hoặc que thử có thể được bảo quản không đúng.

## Sự nhiễu kết quả

Nếu dung dịch được kiểm tra có giá trị pH giữa 2 – 9, phản ứng sẽ xảy ra mà không bị nhiễu. Các dung dịch acid mạnh sẽ được đệm bằng natri acetat; các dung dịch bazo phải được điều chỉnh ở giá trị pH 5-7 bằng acid citric. Sự hiện diện của các chất oxy hóa mạnh như clo có thể cho kết quả dương tính.

## Bảo quản

Tránh ánh sáng trực tiếp của mặt trời hoặc nơi có độ ẩm cao. Bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo (nhiệt độ 4°C - 30°C). Nếu được bảo quản đúng cách, que thử có thể sử dụng đến ngày ghi trên bao bì.

## Thông tin bổ sung

Các nút chứa que thử có chứa thành phần không độc đã được làm khô. Nếu nuốt, hãy uống thật nhiều nước.

## Loại bỏ

Loại bỏ que thử đã sử dụng như rác thải sinh hoạt.



	Haltbarkeitsdatum / Use by / A utiliser jusqu'à / Fecha de vencimiento / Houdbaarheidsdatum / Data di scadenza / Data ważności		LOT Chargenbezeichnung / Lot number / Numéro de lot / Número de lote / Lotnummer / No del lotto / Oznaczenie szarży
	REF Artikelnummer / Catalog number / Référence / Art. nro. / Referentienummer / Codice articolo / Numer artykułu		Packungsinhalt / Package content / Contenu de la boîte / Contenido del envase / Verpakingsinhoud / Contenuto della confezione / Zawartość opakowania
	Packung geschlossen halten / Keep container closed / Refermer la boîte / Mantenga el envase cerrado / Verpakking gesloten houden / Conservare la confezione chiusa / Przechowywać pojemnik szczelnie zamknięty		Vor Feuchtigkeit schützen / Protect from humidity / Protéger de l'humidité / Protéjase de la humedad / Beschermen tegen vocht / Proteggere dall'umidità / Chronić przed wilgocią
	Lagertemperatur / Storage temperature / Température de stockage / Temperatura de almacenaje / Bewaartemperatuur / Temperatura di magazzino / Temperatura przechowywania		Packungsbeilage lesen / Please read instructions / Lire les instructions, svp / Observe las instrucciones de uso / Lees de bijsluiter / Leggere il foglio informativo / Należy przeczytać ulotkę informacyjną
	Sicherheitshinweise in der Packungsbeilage beachten / Observe the safety precautions in instructions / Respected les précautions de sécurité des instructions / Obsérvese las indicaciones de seguridad / Neem de veiligheidsrichtlijnen in de bijsluiter in acht / Seguire le avvertenze di sicurezza / Należy przestrzegać uwag zawartych w ulotce informacyjnej		

CE

Rev.: 2012-04

MACHEREY-NAGEL GmbH & Co. KG · Neumann-Neander-Str. 6-8 · 52355 Düren · Germany  
Tel.: +49 24 21 969-0 · Fax: +49 24 21 969-199 · info@mn-net.com · www.mn-net.com



# DiaQuant<sup>®</sup> Peroxide S

en

## Mô tả

DiaQuant<sup>®</sup> Peroxide S là que thử để xác định bán định lượng hydrogen peroxide (H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>) và peroxide trong dung dịch.

Việc kiểm tra này đặc biệt thích hợp cho việc xác định dư lượng peroxide trong thiết bị lọc máu

## Thang đo

0.5-25 mg/L H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>

## Thang cấp màu

0-0.5-2-5-10-25 mg/L H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>

## Đóng gói

100 que thử

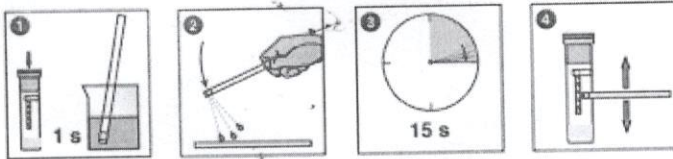
## Nguyên tắc phản ứng

Phản ứng Hydrogen peroxide với peroxidase (POD) và chất chỉ thị oxy hóa khử hữu cơ trong vùng test để chuyển sang chất oxy hóa màu xanh dương

## Thông tin chung

Đóng kín hộp chứa lại sau khi lấy que thử. Tốt nhất nên đánh giá màu sắc bằng ánh sáng ban ngày. Đèn nhân tạo có thể gây khó khăn và đọc màu không chính xác.

## Hướng dẫn sử dụng



1. Đặt que thử vào dung dịch cần kiểm tra trong 1 giây.
2. Lắc que thử để loại bỏ chất dư thừa trên que.
3. Đợi 15 giây
4. So sánh màu sắc với thang đo. Lấy giá trị phù hợp nhất với trường thử màu (độ chính xác: ±1/2 trường màu của thang đo)

Màu phản ứng có thể thay đổi sau khi đã lấy giá trị. Vì vậy việc quan trọng là đánh giá màu sắc trong khoảng thời gian quy định để đạt được kết quả chính xác nhất.

## Hiệu chuẩn

Để kiểm tra hoạt động chính xác của que thử, sử dụng dung dịch hydrogen peroxide nồng độ 5 mg/L. Để hiệu chuẩn, đầu tiên chuẩn bị dung dịch gốc 500 mg/L H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> pha với 1, 5 mL hydrogen peroxide 30%, đổ thêm 1000mL nước cất. Ngay lập tức thực hiện đo que thử. Nếu dung dịch hiệu chuẩn cho kết quả âm, ngay cả khi thử lại, thì lập tức loại bỏ các que thử chưa sử dụng còn lại. Ngay cả khi hiệu chuẩn cho kết quả âm (đặt que thử vào nước cất) có thể không ra màu xanh dương. Nguyên nhân gây ra kết quả sai có thể do hết hạn sử dụng, hộp chứa que thử có thể đã mở ra quá lâu hoặc que thử có thể được bảo quản không đúng

## Sự nhiễu kết quả

Nếu dung dịch được kiểm tra có giá trị pH giữa 2 – 12, phản ứng sẽ xảy ra mà không bị nhiễu. Các dung dịch acid mạnh sẽ được đệm bằng natri acetat; các dung dịch bazo phải được điều chỉnh ở giá trị pH 5-7 bằng acid citric. Sự hiện diện của các chất oxy hóa mạnh như clo có thể cho kết quả dương tính.

## Bảo quản

Tránh ánh sáng trực tiếp của mặt trời hoặc nơi có độ ẩm cao. Bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo (nhiệt độ 4°C - 30°C). Nếu được bảo quản đúng cách, que thử có thể sử dụng đến ngày ghi trên bao bì.

## Thông tin bổ sung

Các nút chứa que thử có chứa thành phần không độc đã được làm khô. Nếu nuốt, hãy uống thật nhiều nước.

## Loại bỏ

Loại bỏ que thử đã sử dụng như rác thải sinh hoạt.



	Nur einmal verwenden / Use once only / <i>N'utiliser qu'une fois / Use apenas una vez / Utilizzare solo una volta / Użyć tylko raz!</i>		Hersteller / Manufacturer / Fabricant / Fabricante / Fabricante / Wytwórca
	Haltbarkeitsdatum / Use by / A utiliser jusqu'à / Fecha de vencimiento / Data di scadenza / Data ważności		Chargenbezeichnung / Lot number / Numéro de lot / Número de lote / No del lote / Oznaczenie szarży
	Artikelnummer / Catalog number / Référence / Art. nro. / Código artículo / Numer artykułu		Packungsinhalt / Package content / Contenu de la boîte / Contenido del envase / Contenuto della confezione / Zawartość opakowania
	Packung geschlossen halten / Keep container closed / Pielomer la boîte / Conservare la confezione chiusa / Przechowywać pojemnik szczelnie zamknięty		Vor Feuchtigkeit schützen / Protect from humidity / Protéger de l'humidité / Protegerse de la humedad / Proteggere dall'umidità / Chronić przed wilgocią
	Lagertemperatur / Storage temperature / Température de stockage / Temperatura de almacenaje / Temperatura di magazzino / Temperatura przechowywania		Packungsbeilage lesen / Please read instructions / Lire les instructions, s.v.p. / Observar las instrucciones de uso / Leggere il foglio informativo / Należy przeczytać ulotkę informacyjną
	Sicherheitshinweise in der Packungsbeilage beachten / Observe the safety precautions in instructions / Respecting les précautions de sécurité des instructions / Observar las indicaciones de seguridad / Seguire le avvertenze di sicurezza / Należy przestrzegać uwag zawartych w ulotce informacyjnej		



MACHERY-NAGEL GmbH & Co. KG · Neumann-Noander-Str. 6-8 · 52355 Düren · Germany  
Tel.: +49 24 21 969-0 · Fax: +49 24 21 969-199 · info@mn-nat.com · www.mn-nat.com

Rev 2013-05 A040254/932 007/0631